

Bản án số: 21/2018/DS-ST

Ngày: 12-6- 2018

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC TỈNH ĐỒNG THÁP

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Hiếu Trung

2. Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Lịch – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2018/QĐST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Anh Dương T, sinh năm 1986; trú tại: Số nhà 680, ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2.*Bị đơn :*

2.1. Anh Tăng Ngọc L, sinh năm 1975

2. 2. Chị Trương Nữ V, sinh năm 1979; cùng trú tại: Số nhà 457 đường V, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn anh Dương T có mặt tại phiên tòa, bị đơn anh Tăng Ngọc L và chị Trương Nữ V vắng mặt tại phiên tòa, không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 12 năm 2017 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Dương T trình bày :*

Vào đầu tháng 9/2015 anh L, chị V có vay của anh 600.000.000đồng, không có làm biên nhận. Anh L, chị V thỏa thuận trả lãi 3%/tháng, thời hạn vay là 05 ngày, trên cơ sở mức lãi nêu trên và chia ra để trả lãi theo ngày nhưng anh L, chị V không trả. Ngày 30/11/2015 anh Tăng Ngọc L và chị Trương Nữ V có viết biên nhận vay tiền với số tiền là 600.000.000đ, anh có yêu cầu anh L, chị V viết thêm số tiền lãi chưa trả vào biên nhận, anh L, chị V không viết và hứa sẽ trả ở ngoài nhưng không có trả lãi cho anh. Tại thời điểm này thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng, mục đích vay là để đảo nợ Ngân hàng. Lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Tuy nhiên, trong giấy nhận nợ không có ghi thời hạn vay và lãi suất. Sau khi hết thời hạn vay anh L, chị V lách mặt nên giữa hai bên không có thỏa thuận gì khác. Ngày 27/01/2016 và ngày 14/02/2016 anh L chị V có trả cho anh được 02 lần số tiền là 70.000.000đồng rồi ngưng không trả nữa. Vì vậy, anh làm đơn gửi Công an thành phố S để xử lý hình sự đối với anh L và chị V. Tại Công an thành phố S anh L có trả thêm 02 lần số tiền là 40.000.000đồng. Ngày 12/10/2016 Công an thành phố S có văn bản xác định anh L, chị V không có dấu hiệu vi phạm hình sự và hướng dẫn anh khởi kiện dân sự.

Nay anh Dương T yêu cầu anh Tăng Ngọc L và chị Trương Nữ V liên đới trả số tiền vốn vay còn nợ là 490.000.000đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 30/11/2015 đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất 0,75%/tháng, nhưng anh Dương T chỉ yêu cầu tính tròn đến ngày 30/5/2018 là 30 tháng.

** Bị đơn anh Tăng Ngọc L và chị Trương Nữ V có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Anh L, chị V xác định có viết biên nhận vay tiền của anh Dương T ngày 30/11/2015 để vay số tiền 600.000.000đồng. Tuy nhiên trước đó, ngày 05/8/2015 anh, chị có vay của anh Dương T số tiền 400.000.000đồng với lãi suất mỗi ngày 10.000đồng/1.000.000đồng. Khi vay không xác định thời hạn, không có làm giấy tờ. Từ khi vay anh chị không có đóng lãi theo thỏa thuận nên ngày 30/11/2015 anh Dương T yêu cầu anh chị viết biên nhận nợ là 600.000.000đồng (trong đó 400.000.000đồng vốn vay và tiền lãi là 200.000.000đồng). Từ ngày 30/11/2015 anh chị không có trả lãi cho anh Dương T. Tuy nhiên, anh chị có trả vốn 1 lần

50.000.000đồng, không có làm giấy tờ. Sau đó trả thêm 3 lần số tiền 110.000.000đồng như anh Dương T trình bày.

Nay anh Tăng Ngọc L và chị Trương Nữ V không đồng ý trả cho anh Dương T số tiền vốn vay 490.000.000đồng và tiền lãi như anh Dương T yêu cầu. Chị V, anh L đồng ý liên đới trả cho anh Dương T số tiền vốn vay 290.000.000đồng và tiền lãi là 90.000.000đồng của số tiền vốn vay 400.000.000đồng trước đây, tổng cộng 380.000.000đồng. Anh L, chị V không có yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến :

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử :

-Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa :

-Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

-Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng, không thực hiện việc cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Về nội dung: Qua phát biểu tranh luận và trên cơ sở phân tích, đánh giá chứng cứ thể hiện trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 468, 469 của Bộ luật dân sự 2015; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Dương T.

Buộc anh Tăng Ngọc L và chị Trương Nữ V trả cho anh Dương T số tiền vốn vay là 490.000.000đồng và tiền lãi từ ngày 30/11/2015 đến nay theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa anh Tăng Ngọc L và chị Trương Nữ V vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh Tăng Ngọc L và chị Trương Nữ V.

[2] Xét yêu cầu của anh Dương T yêu cầu anh Tăng Ngọc L và chị Trương Nữ V liên đới trả số tiền vốn vay còn nợ là 490.000.000đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 30/11/2015 đến ngày 30/5/2018 với mức lãi suất 0,75%/tháng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Giao dịch vay tiền giữa anh L, chị V và anh Dương T được xác lập trong mốc thời gian từ ngày 01/01/2006 (ngày Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực) đến trước ngày 01/01/2017(ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực) nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

Anh Tăng Ngọc L và chị Trương Nữ V thừa nhận biên nhận ngày 30/11/2015 là do anh, chị ký tên để vay của anh Dương T số tiền là 600.000.000đồng. Tuy nhiên anh L, chị V trình bày: Trước đó, ngày 05/8/2015 anh, chị có vay của anh Dương T số tiền 400.000.000đồng với lãi suất mỗi ngày 10.000đồng/1.000.000đồng. Khi vay không xác định thời hạn, không có làm giấy tờ. Từ khi vay anh chị không có đóng lãi theo thỏa thuận nên ngày 30/11/2015 anh Dương T yêu cầu anh chị viết biên nhận nợ là 600.000.000đồng (trong đó 400.000.000đồng vốn vay và tiền lãi là 200.000.000đồng). Vấn đề trình bày như trên anh L và chị V không có chứng cứ để chứng minh. Đồng thời, trên cơ sở các lời khai, biên bản đối chiếu nợ, cam kết trả nợ của anh L và chị V tại cơ quan Công an thành phố S đều thừa nhận số tiền vay và tiền nợ còn lại phù hợp với lời trình bày của anh Dương T. Qua đó, lời trình bày của anh Dương T và các tài liệu chứng cứ anh Dương T cung cấp thể hiện trong hồ sơ đã chứng minh anh L, chị V đã vay của anh Dương T số tiền 600.000.000đồng và đã thanh toán 110.000.000đồng, còn nợ 490.000.000đồng là có cơ sở.

Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định:

“ 1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác ”

Căn cứ quy định của pháp luật và trên cơ sở phân tích, đánh giá các chứng cứ nêu trên đã có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh Dương T nên buộc anh L, chị V phải trả cho anh Dương T số tiền vốn vay 490.000.000đồng là phù hợp quy định của pháp luật.

Anh L, chị V chỉ đồng ý liên đới trả cho anh Dương T số tiền vốn vay 290.000.000đồng và tiền lãi là 90.000.000đồng của số tiền vốn vay 400.000.000đồng trước đây, tổng cộng 380.000.000đồng là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của anh Dương T yêu cầu anh L, chị V trả lãi phát sinh của số tiền vốn vay 490.000.000đồng từ ngày 30/11/2015 đến 30/5/2018 với mức lãi suất 0,75%/tháng thì thấy:

Khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định:

“ 2. Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ ”.

Anh L, chị V thừa nhận từ ngày 30/11/2015 anh chị không có trả lãi cho anh Dương T đến nay. Vì vậy, anh Dương T yêu cầu anh L, chị V trả lãi phát sinh của số tiền vốn vay 490.000.000đồng từ ngày 30/11/2015 đến ngày 30/5/2018 là có căn cứ.

Trên cơ sở đó, xác định giao dịch vay tiền giữa anh L, chị V và anh Dương T là không xác định thời hạn như anh L, chị V trình bày là có căn cứ. Về lãi suất do các bên không có chứng cứ chứng minh về mức lãi suất nên áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Công bố là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản là 9%/năm tương ứng với 0,75%/ tháng.

Theo đó, anh L, chị V vay tiền của anh Dương T ngày 30/11/2015 đến ngày 30/5/2018 là 30 tháng. Số tiền lãi phát sinh xác định cụ thể như sau: 490.000.000đồng x 0,75%/ tháng x 30 tháng = 110.250.000đồng. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của anh Dương T, buộc anh Tăng Ngọc L, chị Trương Nữ V phải trả cho anh Dương T tiền lãi phát sinh từ ngày 30/11/2015 đến ngày 30/5/2018 số tiền 110.250.000đồng là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Dương Tử là phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, quy định về nghĩa vụ chịu án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Dương T nên anh L, chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu được chấp nhận. Đây là vụ án tranh chấp dân sự có giá ngạch. Theo đó, anh L, chị V phải trả cho anh Dương T tổng số tiền 600.250.000đồng , mức án phí anh L, chị V phải chịu theo quy định là: “ *Từ trên 400.000.000đ đến 800.000.000đ thì mức án phí là 20.000.000đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000đồng*”. Vì vậy, anh L, chị V phải chịu 28.010.000đồng (*Hai mươi tám triệu không trăm mười nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Dương T.

Buộc anh Tăng Ngọc L và chị Trương Nữ V trả cho anh Dương T số tiền vốn vay là 490.000.000đồng, tiền lãi 110.250.000đồng, tổng cộng: 600.250.000đồng (*Sáu trăm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Tăng Ngọc L và chị Trương Nữ V phải nộp 28.010.000đồng (*Hai mươi tám triệu không trăm mười nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Dương T được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 08/01/2018 theo biên lai số 01352, số tiền 13.564.000đồng (*Mười ba triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*) và ngày 06/6/2018 theo biên lai số 0004560, số tiền 325.000đồng (*Ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Dương T mà anh Tăng Ngọc L và chị Trương Nữ V chưa thi hành xong các khoản tiền phải trả cho anh Dương T thì hàng tháng anh Tăng Ngọc L và chị Trương N Vương còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Tăng Ngọc L và chị Trương Nữ V vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- Tòa án Tỉnh
- VKS TP Sa Đéc
- Các đương sự
- Chi cục THA
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hoàng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hoàng